TÒA ÁN NHÂN DÂNHUYỆN K THÀNH PHỐ HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:**73/**2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29/02/2024
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Tuấn
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Oanh
Bà Nguyễn Thị Chấn

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tứ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên toà: Bà Trần Thanh Hiếu- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số:477/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2023 về việc: *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXX-ST ngày 05 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:Chị Phạm Thị H, sinh năm 1978.

Nơi thường trú: Số 6/575 Ngô N, phường G, quận B, thành phố Hà Nội.

Chỗ ở: Số 14, ngõ 8 Ngô N, phường G, quận B, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Anh Nguyễn S, sinh năm 1979.

Nơi thường trú và chỗ ở: Số 48 L, thị trấn V, huyện K, thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn chị Phạm Thị H: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1993 và ông Vũ Tuấn, sinh năm 1988 – là Luật sư của Công ty luật TNHH S và Thiên Việt – Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

(Chị Hà, anh S, Luật sư P và Tuấn cùng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Phạm Thị H là Nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân:

Chị và anh Nguyễn S kết hôn trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kếthôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện K, thành phố Hà Nội ngày 03/12/2002, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 88, quyển số 01 năm 2002. Việc kết hôn giữa hai vợ chồng là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau số 48, phố L, huyện K, thành phố Hà Nội, sau này khi mâu thuẫntrầm trọng, chị Hà cùng các con đã chuyển đến sinh sống tại số nhà 14, ngõ 8, đường Ngô N, quận B, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, chị Hà và anh S chung sống với nhau hòa thuận. Đến khoảng năm 2015, hai vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nhưng hai bên vẫn cố gắng nhường nhịn nhau để gia đình được hạnh phúc. Đến năm 2019 mâu thuẫn vợ chồng phát sinh trầm trọng, vợ chồng thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống, cách nuôi dạy con, phát triển kinh tế gia đình. Vì thế mà quan hệ vợ chồng ngày càng trở nên căng thẳng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Năm 2019, vợ chồng chị đã thống nhất thuận tình ly hôn với nhau, hai bên cũng đã chuẩn đầy đủ hồ sơ, giấy tờ cho việc ly hôn. Tuy nhiên, sau khi được sự khuyên ngăn của gia đình hai bên, chị và anh S đã cùng nhau thống nhất cho cả hai thêm cơ hội để cùng hàn gắn tình cảm nên đã trở về chung sống với nhau. Đến đầu năm 2023, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị lại trở nên nghiêm trọng và không thể hàn gắn nên chị cùng các con đã chuyển về số 14, ngõ 8, đường Ngô N, quận B sinh sống. Hiện tại mâu thuẫn giữa hai vợ chồng rất căng thẳng, không còn tình cảm gì với nhau. Vợ chồng chị đã ly thân với nhau từ đầu năm 2023 cho đến nay. Chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn S để hai bên ổn định cuộc sống mới, chấm dứt tình trạng hôn nhân như hiện nay.

Về con chung : Vợ chồng chị có 02 con chung, cháu Nguyễn Hà L Sinh ngày: 12/08/2005, cháu Nguyễn Thế Hải Sinh ngày: 16/02/2007. Hiện tại cháu Nguyễn Hà L đã trưởng thành và có cuộc sống riêng, cháu Nguyễn Thế Hải hiện đang sinh sống cùng với chị. Sau khi ly hôn chị mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Thế Hải. Đây cũng là nguyệnvọng của cháu nên đề nghị Toà án xem xét, chấp nhận.

Về vấn đề cáp dưỡng: Chị tôn trọng sự chủ động đóng góp của anh S trong việc cùng nhau nuôi dậy con cái, trường hợp không thoả thuận được chịcũng không yêu cầu anh S đóng góp.

Về tài sản chung, Công sức, Nợ: Vợ chồng chị không có tài sản chung, Công sức hay nợ gì ai, nên không đề nghị Toà án giải quyết.

Ngoài ra chị Hà không còn ý kiến và yêu cầu gì khác.

Bị đơn trong vụ án là anh Nguyễn S trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án đã nhiều lần đ□ợc Toà án triệu tập hợp lệ đến Toà án để công khai chứng cứ, hoà giải về việc chị Phạm Thị H xin ly hôn nh□ng anh S vắng mặt không có lý

do. Anh S có bản tự khai ngày 29/12/2023 gửi đến Tòa án với nội dung như sau:

Về tình cảm vợ chồng:

Anh và chị Phạm Thị H kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện K, thành phố Hà Nội ngày 03/12/2002 theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 88, quyển số 01 năm 2002. Việc kết hôn giữa anh và chị Hà là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Anh chị chung sống với nhau từ ngày 03/12/2002 tại số 48, phố L, huyện K, thành phố Hà Nội, sau này khi mâu thuẫn trầm trọng, chị Hà cùng các con đã chuyển đến sinh sống tại số nhà 14, ngõ 8, đường Ngô N, quận B, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, anh và chị Hà chung sống với nhau hòa thuận. Đến khoảng năm 2015, hai vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nhưng hai bên vẫn cố gắng nhường nhịn nhau để gia đình được hạnh phúc. Đến năm 2019 mâu thuẫn vợ chồng phát sinh trầm trọng, vợ chồng thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống, cách nuôi dạy con, phát triển kinh tế gia đình. Vì thế mà quan hệ vợ chồng ngày càng trở nên căng thẳng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Năm 2019, vợ chồng anh đã thống nhất thuận tình ly hôn với nhau nhưng sau khi được sự khuyên ngăn của gia đình hai bên, anh và chị Hà đã cùng nhau thống nhất cho cả hai thêm cơ hội để cùng hàn gắn tình cảm nên đã trở về chung sống với nhau. Đến đầu năm 2023, mâu thuẫn giữa vợ chồng lại trở nên nghiêm trọng và không thể hàn gắn. Hiện tại mâu thuẫn giữa hai vợ chồng rất căng thẳng, không còn tình cảm gì với nhau, đã ly thân với nhau từ đầu năm 2023 cho đến nay.

Nay chị Phạm Thị H có yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh thì anh đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung : Vợ chồng anh có 02 con chung là cháu Nguyễn Hà L Sinh ngày: 12/08/2005, cháu Nguyễn Thế Hải Sinh ngày: 16/02/2007. Hiện tại cháu Nguyễn Hà L đã trưởng thành và có cuộc sống riêng, cháu Nguyễn Thế Hải hiện đang sinh sống cùng với chị Hà. Sau khi ly hôn anh đồng ý để cho chị Hà được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Thế Hải. Đây cũng là nguyện vọng của cháu nên đề nghị Toà án xem xét, chấp nhận.

Về vấn đề cáp dưỡng: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

**** Về tài sản chung của vợ chồng :*** Vợ chồng chúng tôi không có tài sản chung, tôi không có ý kiến đề nghị Toà án giải quyết.

**** Các khoản nợ chung:*** Vợ chồng chúng tôi không có nợ chung.

Hiện nay, do tính chất công việc của tôi làm nghề lái xe, thời gian phụ thuộc vào chủ sử dụng lao động nên không thể chủ động sắp xếp lịch đến tòa án giải quyết thủ tục được. Đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh tại tất cả các buổi làm việc, xét xử tại Tòa án theo yêu cầu của chị Phạm Thị H và theo nguyện vọng tại theo lời khai ở trên của anh.

Tại phiên tòa chị Hà vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 25/02/2024 gửi Tòa án qua đường bưu chính nhận được ngày 28/02/2024

Tại phiên tòa Luật sư P và Luật sư Tuấn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đồng thời gửi bản luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn với đề nghị như sau:

- Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị H
- Giao con chung là cháu Nguyễn Thế Hải sinh năm 2007 cho chị Hà tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những ng- ời tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến tr- ớc thời điểm hội đồng xét xử nghị án nh- sau:

- Quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thủ tục theo quy định của pháp luật.

- Đối với việc chấp hành pháp luật của đ- ơng sự:

+ Nguyên đơn chấp hành đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Bị đơn không chấp hành đầy đủ, không đ- a ra tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền lợi cho mình.

*Về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân:*

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị H

-*Về con chung:* Giao con chung là cháu Nguyễn Thế Hải sinh năm 2007 cho chị Hà tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc.

- *Về tài sản chung và công nợ:*

Chị Hà không yêu cầu tòa giải quyết nên đề nghị không xét.

-*Về án phí:*

Vụ án thụ lý ngày 01/12/2023, nên áp dụng Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công khai và xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quan hệ pháp luật tranh chấp, chị Phạm Thị H yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn S nên quan hệ pháp luật giải quyết trong vụ án là: " Tranh chấp ly hôn".

Bị đơn anh Nguyễn S, hiện nay đang sinh sống và cư trú tại Số 48 L, thị trấn V, huyện K, thành phố Hà Nội. Do vậy căn cứ Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện K thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Bị đơn trong vụ án anh Nguyễn S trong suốt quá trình giải quyết vụ án Toà án đã thực hiện đầy đủ thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đ- ợc toà án triệu tập nhiều lần nh- ng đều vắng mặt. Tuy nhiên, anh S, chị Hà và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Hà cùng có đơn và lời khai đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại điểm a,b,đ khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dụng vụ án, giải quyết yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân:

Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện K, thành phố Hà Nội ngày 03/12/2002, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 88, quyển số 01 năm 2002, do vậy việc kết hôn là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Hà, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi chị Hà và anh S kết hôn thực tế cuộc sống chung vợ chồng hòa hợp cho đến năm 2015 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do không thống nhất việc nuôi dạy chăm sóc con, vợ chồng không giúp đỡ, chia sẻ được với nhau để tìm sự thương yêu giữ gìn hạnh phúc. Do mâu thuẫn trầm trọng nên chị Hà và các con đã đi thuê nhà ở nơi khác và sống ly thân với anh S từ đầu năm 2023. Xét thấy việc chị Hà xin ly hôn anh S và cho rằng tình cảm không còn, anh chị sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt đ- ợc. Quá trình giải quyết vụ án anh S không xuất trình đ- ợc bất cứ tài liệu chứng cứ gì để chứng minh việc đ- a ra giải pháp để cải thiện tình cảm vợ chồng mà luôn luôn có thái độ không hợp tác cơ quan pháp luật để bảo vệ quyền lợi cho mình. Toà án đã tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải nh- ng anh S vắng mặt trong buổi công khai chứng cứ, hoà giải khi Toà án triệu tập, điều này cho thấy mâu thuẫn vợ chồng chị Hà, anh S là trầm trọng, vợ chồng đã ly thân một thời gian, tình cảm vợ chồng rạn nứt, anh S mặc dù đã đ- ợc Toà án tạo điều kiện để tham gia các phiên hoà giải nh- ng anh S đều vắng mặt nh- vậy cho thấy anh S không mong muốn đoàn tụ gia đình và có lời khai gửi Tòa án đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Vì vậy Hội đồng xét xử thấy rằng cuộc sống chung giữa chị Hà và anh S không thể kéo dài do mâu thuẫn trầm trọng, nên yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị H là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 19 và 56 Luật hôn nhân và gia đình nên đ- ợc chấp nhận.

Về con chung:

Vợ chồng chị Hà anh S có 02 con chung, cháu Nguyễn Hà L Sinh ngày: 12/08/2005, cháu Nguyễn Thế Hải Sinh ngày: 16/02/2007. Hiện tại cháu Nguyễn Hà L đã trưởng thành và có cuộc sống riêng, cháu Nguyễn Thế Hải hiện đang sinh sống cùng với chị Hà. Khi ly hôn chị Hà có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hải và anh S không có yêu cầu tranh chấp về việc nuôi con, anh chị đều tôn trọng nguyện vọng của con chung cháu Hải muốn ở với ai là tùy cháu. Chị Hà có chỗ ở, thu nhập ổn định, có đủ điều kiện khả năng nuôi con, cháu Hải có nguyện vọng được ở cùng với mẹ khi anh chị ly hôn. Vì vậy Hội đồng xét xử thấy cần tiếp tục giao con chung là cháu Nguyễn Thế Hải Sinh ngày: 16/02/2007 cho chị Hà nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Chị Hà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung vì vậy tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh S cho đến khi cháu Hải thành niên đủ 18 tuổi hoặc khi có yêu cầu thay đổi khác.

Về tài sản chung:

Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về công nợ:

Quá trình giải quyết vụ án cho đến tr- ớc khi Toà án công khai chứng cứ và ra quyết định đ- a vụ án ra xét xử anh Tuấn Anh bị đơn không có yêu cầu phản tố về công nợ và tài sản chung nên Toà án không xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp các đ- ơng sự có quyền khởi kiện đến Toà án bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[3].Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị Hà, anh S vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Điều 28; 35; 39; 147; điểm a, b, đ khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 19; 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa ngày 30/12/2016.

***Xử**:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phạm Thị H. Chị Phạm Thị H được ly hôn anh Nguyễn S .

2.Về con chung:

Giao con chung là cháu Nguyễn Thế Hải Sinh ngày: 16/02/2007 cho chị Hà tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh S cho đến khi cháu Hải thành niên đủ 18 tuổi hoặc khi có yêu cầu thay đổi khác. Không ai đ- ợc ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung

3.Tài sản chung vợ chồng: Anh chị không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4.Về công nợ: Quá trình giải quyết vụ án cho đến tr- ớc khi Toà án công khai chứng cứ và ra quyết định đ- a vụ án ra xét xử anh Tuấn Anh bị đơn không có yêu cầu phản tố về công nợ và tài sản chung nên Toà án không xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp các đ- ơng sự có quyền khởi kiện đến Toà án bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

5. Án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu toàn bộ 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Hà đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0003831 ngày 30/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K nay chuyển thành án phí Ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm.

Chị Hà, anh S vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;;
- VKSND huyện K;
- THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Viết Tuấn